|  |  |
| --- | --- |
| Tuần CM: 29 |  Ngày soạn: 4/4/2025 |
| Tiết PPCT: 44 |

**TÊN BÀI DẠY**

|  |
| --- |
| **BÀI 15: ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG** **VÀ TÀI NGUYÊN VÙNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM** |

**I. MỤC TIÊU**:

 **1. Về kiến thức**

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển – đảo Việt Nam.

- Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.

- Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.

**2. Về phẩm chất**

 - Ý thức học tập nghiêm túc, có tinh thần yêu nước, yêu biển – đảo Việt Nam, ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường biển – đảo VN.

**3. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển – đảo Việt Nam.

+ Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.

+ Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr148-155.

+ Quan sát bản đồ hình 15.1 SGK tr149, biểu đồ hình 15.2 SGK tr150 để nêu đặc điểm khí hậu của vùng biển nước ta, nhận xét nhiệt độ và lượng mưa ở một số trạm khí tượng trên các đảo nước ta.

+ Quan sát bản đồ hình 15.3 SGK tr151 để xác định hướng chảy của dòng biển trong vùng biển nước ta.

+ Quan sát bản đồ hình 15.4 SGK tr153 để xác định một số tài nguyên biển Việt Nam.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) để tuyên truyền bảo vệ môi trường và tài nguyên vùng biển đảo Việt Nam.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

 - Kế hoạch bài dạy, sách giáo khoa.

 - Bản đồ tự nhiên biển đảo VN, bản đồ khoáng sản VN, tranh ảnh SGK.

- Phiếu học tập, bảng biểu, sơ đồ.

**2. Chuẩn bị của HS**

- SGK lịch sử và địa lí 8, vở ghi.

- Đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số học sinh

8A:...............…;8B:..............…;8C:.............…; 8D:.............…;

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Câu hỏi: Trình bày khái niệm vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam?

Đáp án: - Gồm 5 bộ phận: Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế

**+ Nội thuỷ** là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

**+ Lãnh hải** là vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

**+ Vùng tiếp giáp lãnh hải** là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

**+ Vùng đặc quyền kinh tế** là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

**+ Thềm lục địa Việt Nam** là đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục tiêu:*** tạo sự hứng thú khi bước vào bài học mới.

***b. Nội dung:***

*-* HS dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi, xác định được nội dung bài học và có hiểu biết khái quát về tự nhiên, môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam.

- GV tổ chức trò chơi “Xem hình đoán tên bãi biển” cho HS.

***c. Phương thức tổ chức thực hiện hoạt động***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV treo bảng phụ trò chơi “Xem hình đón tên bãi biển” lên bảng:

 **1 2 3**

 **4 5 6**

\* GV lần lượt cho HS quan sát các quốc kì trên theo thứ tự từ 1 đến 6, yêu cầu HS cho biết tên quốc gia tương ứng với mỗi quốc kì trên. GV khen thưởng cho HS trả lời đúng.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS quan sát các quốc kì kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình.

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4:** Kết thúc trò chơi. GV tổng kết những HS chiến thắng. GV dẫn dắt vào bài mới: Thiên nhiên vùng biển đảo Việt Nam có sự phân hoá đa dạng và giàu tiềm năng, nổi bật với hàng trăm bãi tắm đẹp thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước, có thể giúp nước ta thực hiện được mục tiêu “trở thành quốc gia mạnh về biển”. Tuy nhiên, môi trường biến đảo rất nhạy cảm trước những tác động của con người, cần được quan tâm bảo vệ nhằm đảm bảo cho sự phát triển kinh tế biền một cách bền vững. Hãy nêu những điểm nồi bật về tự nhiên, môi trường và tài nguyên vùng biển đảo nước ta. Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**d. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của học sinh.

1. Nha Trang 2. Vũng Tàu 3. Vịnh Hạ Long

4. Phú Quốc 5. Đà Nẵng 6. Phan Thiết

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

***Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về Đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo***

***a. Mục tiêu*:** HS trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo VN.

***b. Nội dung*:**

- Quan sát hình 15.1, 15.2, 15.3, kết hợp kênh chữ SGK tr148-151.

- HS làm việc nhóm, khai thác đoạn văn bản trong SGK để trả lời các câu hỏi của GV về đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.

*1. Địa hình ven biển nước ta gồm những dạng địa hình gì?*

*2. Thềm lục địa nước ta có đặc điểm gì?*

*3. Xác định một số đảo và quần đảo của nước ta. Các đảo và quần đảo nước ta đóng vai trò gì?*

*4. Nhận xét nhiệt độ và lượng mưa của một số trạm khí tượng trên các đảo ở nước ta.*

*5. Xác định các hướng gió thổi trên biển ở nước ta.*

*6. Trung bình mỗi năm trước ta có bao nhiêu cơn bão? Tần suất bão lớn nhất là vào tháng nào? Đổ bộ vào vùng nào của nước ta.*

*7. Xác định hướng chảy của dòng biển trong vùng biển nước ta. Nguyên nhân nào tạo nên hướng chảy của các dòng biển.*

*8. Nhiệt độ và độ muối của nước biển là bao nhiêu? Nhiệt độ và độ muối của nước biển thay đổi như thế nào?*

*9. Nêu đặc điểm chế độ triều của nước ta.*

***c. Phương thức tổ chức thực hiện hoạt động:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

- GV chia HS thành các nhóm, phân chia chỗ ngồi cho các nhóm. Đánh số thứ tự các thành viên trong mỗi nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm thực hiện.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* GV thông báo thể lệ, thời gian cho các nhóm để trả lời câu hỏi.

- Nhóm 1 + 2: câu 1, 2, 3.

- Nhóm 2 + 3: câu 4, 5, 6.

- Nhóm 4 + 5: câu 7, 8, 9.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình.

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

**d. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

1. Địa hình ven biển rất đa dạng, bao gồm: các dạng bờ biển bồi tụ, bờ biển mài mòn, vịnh cửa sông, bãi cát phẳng, đầm, phá, đảo ven bờ,...

2. Địa hình thềm lục địa có sự tiếp nối với địa hình trên đất liền. Vùng thềm lục địa rộng, bằng phẳng ở phía bắc và phía nam, hẹp và sâu ở miền Trung.

3.

- Tên một số đảo: đảo Cát Bà (Hải Phòng), đảo Bạch Long Vĩ (Hải Phòng), đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), đảo Phú Quốc (Kiên Giang), đảo Phú Quý (Bình Thuận ),…

- Tên một số quần đảo: Hoàng Sa (Đà Nẵng), Trường Sa (Khánh Hòa),…

- Các đảo và quần đảo đóng vai trò rất quan trọng về kinh tế - chính trị và an ninh quốc phòng.

4.

- Về nhiệt độ: cả 3 trạm khí tượng đều có nhiệt độ khá cao trên 200C: Cô Tô: 22,70C, Hoàng Sa: 26,90C, Phú Quốc: 27,20C.

- Về lượng mưa: cả 3 trạm khí tượng đều có lượng mưa khá lớn trên 1200mm: Cô Tô: 1746mm, Hoàng Sa: 1266mm, Phú Quốc: 3098mm.

5.

- Từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau: gió mùa đông thổi theo hướng đông bắc chiếm ưu thế.

- Các tháng còn lại: ưu thế thuộc về gió mùa hạ thổi theo hướng tây nam (riêng ở vịnh Bắc Bộ chủ yếu là hướng đông nam).

6.

- Trung bình mỗi năm có 9 - 10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông, trong đó có 3 - 4 cơn bão trực tiếp đổ bộ vào đất liền Việt Nam.

- Tần suất bão lớn nhất là vào tháng 9. Đổ bộ vào vùng Bắc Trung Bộ.

7.

- Hướng chảy của dòng biển ven bờ ở nước ta thay đổi theo mùa:

+ Mùa đông, dòng biển có hướng: đông bắc - tây nam.

+ Mùa hạ, dòng biển chảy theo hướng tây nam - đông bắc.

- Nguyên nhân: do hoạt động của gió mùa.

8.

- Nhiệt độ nước biển trung bình trên 23°C, có xu hướng tăng dần từ Bắc vào Nam và từ ven bờ ra ngoài khơi.

- Độ muối bình quân của Biển Đông là 30 - 33%0; thay đổi theo khu vực, theo mùa và theo độ sâu.

 9. Chế độ thủy triều: Vùng biển ven bờ nước ta có nhiều chế độ thuỷ triều khác nhau:

- Ở khu vực phía bắc, chế độ nhật triều được coi là điển hình nhất.

- Ở khu vực phía nam, chế độ bán nhật triều xen kẽ với chế độ nhật triều.

**\* Chuẩn kiến thức**

**1. Đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo**

***a. Địa hình***

- Địa hình ven biển rất đa dạng, bao gồm: các dạng bờ biển bồi tụ, bờ biển mài mòn, vịnh cửa sông, bãi cát phẳng, đầm, phá, đảo ven bờ,...

- Vùng thềm lục địa rộng, bằng phẳng ở phía bắc và phía nam, hẹp và sâu ở miền Trung.

- Có nhiểu đảo và quần đảo, trong đó có 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa.

***b. Khí hậu***

- Nhiệt độ: khá cao, khoảng 26°C, có sự phân hoá theo chiều bắc – nam.

- Lượng mưa: trung bình trên biển từ 1100 đến 1300 mm/năm.

- Gió trên Biển: mạnh hơn trên đất liền. Tốc độ trung bình đạt 5 - 6 m/s.

- Bão: trung bình mỗi năm có 9 - 10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông.

***c. Đặc điểm hải văn***

- Dòng biển gồm: dòng biển lạnh theo gió mùa đông và dòng biển nóng theo gió mùa hạ.

 - Nhiệt độ nước biển trung bình tầng mặt trên 23°C.

 - Độ muối bình quân của biển Đông là 32 - 33%0.

 - Chế độ thủy triều khác nhau: nhật triều ở khu vực phía bắc và bán nhật triều ở khu vực phía nam.

|  |  |
| --- | --- |
| Tuần CM: 29 |  Ngày soạn: 4/4/2025 |
| Tiết PPCT: 44 |

**TÊN BÀI DẠY**

|  |
| --- |
| **BÀI 15: ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG** **VÀ TÀI NGUYÊN VÙNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM** |

8A:...............…;8B:..............…;8C:.............…; 8D:.............…;

***Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về Môi trường biển đảo Việt Nam***

***a. Mục tiêu*:** HS nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.

***b. Nội dung*:** Dựa vào kênh chữ SGK tr151, 152 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV:

*1. Môi trường biển là gì? Bao gồm những yếu tố nào? Cho ví dụ.*

*2. Nêu đặc điểm môi trường nước biển.*

*3. Nêu đặc điểm môi trường bờ biển, bãi biển.*

*4. Nêu đặc điểm môi trường các đảo, cụm đảo.*

*5. Chứng minh môi trường biển đang có xu hướng suy giảm về chất lượng. Nêu nguyên nhân.*

*6. Ô nhiễm môi trường biển gây ra những hậu quả gì?*

*7. Nêu các biện pháp bảo vệ môi trường biển đảo nước ta.*

***c. Phương thức tổ chức thực hiện hoạt động:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.

\* GV treo hình 15.1, 15.2, 15.3 lên bảng.

\* GV yêu cầu HS quan sát hình 15.1, 15.2, 15.3 và thông tin trong bài, trả lời các câu hỏi.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

**d. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

1. - Môi trường biển là một bộ phận quan trọng trong môi trường sống của chúng ta.

- Môi trường biển ở nước ta bao gồm: các yếu tố tự nhiên (ví dụ đa dạng sinh học biển) và các yếu tố vật chất nhân tạo (ví dụ giàn khoan dầu khí).

2. Môi trường nước biển:

- Chất lượng nước biển ven bờ còn khá tốt với hầu hết các chỉ số đặc trưng đều nằm trong giới hạn cho phép.

- Đối với môi trường nước xa bờ, chất lượng nước biển tương đối ổn định và ít biến động qua các năm.

3. Môi trường bờ biển, bãi biển:

- Vùng bờ biển nước ta có nhiều dạng địa hình tiêu biểu như: các vịnh cửa sông, các tam giác châu có bãi triều rộng, các bãi cát phẳng, cồn cát, đầm phá,... tạo nên những cảnh quan đẹp và phân hoá đa dạng.

- Các hệ sinh thái vùng bờ biển cũng rất phong phú, nhất là rừng ngập mặn và hệ sinh thái vùng triều có tính đa dạng sinh học cao.

4. Môi trường các đảo, cụm đảo:

- Môi trường trên các đảo chưa bị tác động mạnh, nhiều đảo còn bảo tồn những khu rừng nguyên sinh.

- Chất lượng môi trường nước xung quanh đảo khá tốt, phần lớn các chỉ số môi trường nằm trong giới hạn cho phép.

5. - Môi trường biển đang có xu hướng suy giảm về chất lượng: nhiều vùng cửa sông ven biển đã bị ô nhiễm.

- Nguyên nhân: sự gia tăng các nguồn thải từ đất liền, tình trạng xả thải ra biển chưa qua xử lí; các hệ sinh thái biển đang bị khai thác quá mức, thiếu tính bền vững dẫn đến tình trạng suy giảm đa dạng sinh học,...

6. Hậu quả: Phá hoại môi trường sống của sinh vật, làm tuyệt chủng một số loại hản sản, sinh vật gần bờ. Gây mất mỹ quan, ảnh hưởng lớn đến ngành du lịch.

7. - Tham gia vào việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về bảo vệ môi trường biển, đảo.

- Thường xuyên và tích cực tham gia các hoạt động làm sạch bờbiển, làm đẹp cảnh quan, môi trường biển đảo…

-Tích cực tham gia các hoạt động khắc phục và làm giảm nhẹ các thiệt hại do thiên tai gây ra tại địa phương.

- Tổ chức học tập và thực hành các kĩ năng sống thích ứng với những thay đổi của tự nhiên vùng biển đảo…

**\* Chuẩn kiến thức**

**2. Môi trường biển đảo Việt Nam**

***a. Đặc điểm môi trường biển đảo Việt Nam***

- Môi trường nước biển: chất lượng nước biển ven bờ còn khá tốt, môi trường nước xa bờ, chất lượng nước biển tương đối ổn định.

- Môi trường bờ biển, bãi biển: có nhiều dạng địa hình tạo nên những cảnh quan đẹp và phân hoá đa dạng.

- Môi trường các đảo, cụm đảo: chưa bị tác động mạnh, chất lượng môi trường nước xung quanh đảo khá tốt.

- Môi trường biển đang có xu hướng suy giảm về chất lượng.

***b. Vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam***

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng.

- Tham gia các hoạt động làm sạch bờ biển, làm đẹp cảnh quan, môi trường biển đảo…

- Tham gia các hoạt động khắc phục và làm giảm nhẹ các thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Tổ chức học tập và thực hành các kĩ năng sống thích ứng với những thay đổi của tự nhiên vùng biển đảo…

 Duyệt của TTCM Giáo viên

 Đoàn Hữu Trung Võ Thị Lệ Quyên